

Hoạt động kinh tế hộ gia đình ở khu vực nông thôn Bắc Bộ giai đoạn 1976-1986

Trần Quý Long
Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới

Tóm tắt: Bài viết tìm hiểu hoạt động kinh tế hộ gia đình ở khu vực nông thôn miền Bắc giai đoạn 1976-1986. Đây là giai đoạn áp dụng mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung ở miền Bắc cho cả nước sau khi thống nhất và còn được gọi là thời kỳ bao cấp. Hoạt động kinh tế hộ gia đình trong giai đoạn 1976-1986 được thực hiện theo cơ chế hoạt động của hợp tác xã là nhận khoán việc (1976-1980) và nhận khoán sản phẩm (1981-1985). Đất đai thuộc sở hữu tập thể của hợp tác xã nông nghiệp cho nên thành viên hộ gia đình chỉ có thể tham gia lao động với tư cách là xã viên. Nguồn nhân lực lao động trong hoạt động kinh tế hộ gia đình chỉ được đào tạo theo cơ chế tự đào tạo, cha truyền con nối và sử dụng lao động sống là chủ yếu. Tỷ lệ hộ gia đình thuần nông nghiệp và hỗn hợp chiếm hầu hết, rất ít hộ hoạt động theo hình thức phi nông nghiệp. Có thể nói, hộ gia đình luôn luôn là đơn vị kinh tế độc lập, phát triển một cách tự chủ và năng động dù thuộc loại hình thức kinh tế nào, ở trình độ tổ chức và hoạt động sản xuất kinh doanh như thế nào. Các hình thức kinh tế hợp tác không “hòa tan” hộ gia đình vào tập thể. Ngược lại, các hình thức tổ chức kinh tế hợp tác trở thành điều kiện, môi trường để hỗ trợ cho sự phát triển đầy đủ hơn của các hoạt động kinh tế hộ gia đình⁽¹⁾.

Từ khóa: Gia đình; Gia đình nông thôn; Kinh tế hộ gia đình.

Ngày nhận bài: 10/10/2018; ngày chỉnh sửa: 6/11/2018; ngày duyệt đăng: 19/11/2018.

1. Đặt vấn đề

Là một bộ phận quan trọng của nền kinh tế quốc gia, hoạt động kinh tế hộ gia đình đóng góp vai trò rất quan trọng trong việc quản lý và sử dụng các nguồn lực của xã hội và gia đình. Hoạt động kinh tế hộ gia đình là một hình thức tổ chức kinh tế đặc thù dựa trên các quan hệ gia đình, thể hiện vai trò của nó trong việc tổ chức gia đình thành một đơn vị sản xuất độc lập, với những hình thức phân công lao động chủ yếu dựa trên năng lực và tính tự giác của mỗi thành viên. Hộ gia đình hoạt động kinh tế thông qua việc sử dụng hiệu quả tối ưu các đặc trưng cơ bản của cá nhân và hộ gia đình nhằm ổn định và gia tăng thu nhập, đáp ứng các nhu cầu cơ bản trong đời sống. Ngoài ra, hộ gia đình còn thực hiện các hoạt động kinh tế nhằm đối phó với những khó khăn trong sản xuất nông nghiệp, thất bại trong thị trường, phù hợp với những chuẩn mực xã hội mới và đương đầu với những rủi ro không được bảo hiểm (Trần Quý Long, 2010).

Lịch sử Việt Nam giai đoạn 1976-1986 còn được gọi là thời kỳ bao cấp, đây là giai đoạn áp dụng mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung ở miền Bắc cho cả nước sau khi thống nhất, đồng thời là giai đoạn của những tìm tòi để thoát khỏi mô hình này. Đây cũng là thời kỳ của 2 kế hoạch năm năm: 1976-1980 và 1981-1985. Trong giai đoạn 1976-1980, các biện pháp cải cách của Đảng và Nhà nước vẫn hướng tới việc xây dựng một mô hình sản xuất nông nghiệp theo hướng phát triển các hợp tác xã quy mô lớn và mọi lao động đều đặt dưới quyền quản lý chặt chẽ của hợp tác xã. Do chủ trương và chính sách này, nền kinh tế nông nghiệp của nước ta có chiều hướng đi xuống. Giá trị sản lượng nông nghiệp tăng bình quân rất thấp (1,9%), đặc biệt là sự giảm tốc độ phát triển của các ngành trồng trọt (Viện Kinh tế học, 1995). Chính vì vậy mà từ sau năm 1981 trở đi, nhiều biện pháp đổi mới đã được thực hiện để sửa đổi mô hình hợp tác xã quy mô lớn, khắc phục những nhược điểm đã quá rõ ràng và để đáp ứng những nhu cầu ngày càng tăng về lương thực và các loại sản phẩm khác. Ngày 13 tháng 1 năm 1981, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra chỉ thị 100-CT/TW về cải tiến công tác khoán, mở rộng “khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động” trong hợp tác xã nông nghiệp. Có thể nói, chỉ thị 100 ban hành gắn trách nhiệm về quyền lợi của người nông dân với sản phẩm cuối cùng, tạo ra động lực mới trong sản xuất nông nghiệp. Hệ thống nông nghiệp được đổi mới này vẫn là một bước chuyển dè dặt nhưng đã khuyến khích các hộ nông dân đầu tư vốn liếng của mình để tăng sản lượng và vì vậy đã cho những kết quả khả quan trong khoảng thời gian 4 đến 5 năm (Viện Kinh tế học, 1995).

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm tập trung phân tích các khía cạnh

của hoạt động kinh tế hộ gia đình ở khu vực nông thôn miền Bắc trong giai đoạn 1976-1986, trả lời các câu hỏi bao gồm: Hoạt động kinh tế của hộ gia đình trong giai đoạn 1976-1986 ở khu vực nông thôn miền Bắc có đặc điểm và thực trạng như thế nào? Các đặc trưng của hộ gia đình và cá nhân có ảnh hưởng như thế nào đến hoạt động kinh tế của hộ gia đình? Nghiên cứu đã tiến hành khảo sát định lượng với 400 người đại diện hộ gia đình có năm kết hôn vào hai giai đoạn 1976-1980 và 1981-1985 ở hai xã Nghĩa Hùng và Nghĩa Thắng, thuộc huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định. Bên cạnh đó, một số phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm cũng được tiến hành để thu thập thông tin định tính nhằm lý giải và tìm hiểu sâu hơn về những khía cạnh hoạt động kinh tế của hộ gia đình. Các câu hỏi hồi cố được sử dụng để tiến hành thu thập thông tin về hoạt động kinh tế hộ gia đình trong giai đoạn 1976-1986.

2. Đặc điểm và thực trạng hoạt động kinh tế của hộ gia đình nông thôn miền Bắc giai đoạn 1976-1986

2.1. Các nguồn lực của hoạt động sản xuất

Đất đai

Hoạt động kinh tế của hộ gia đình ở khu vực nông thôn miền Bắc Việt Nam giai đoạn 1976-1980 chịu ảnh hưởng sâu sắc của các chính sách nông nghiệp, phát triển kinh tế nông hộ. Một trong những đặc trưng đó là quá trình tiến hành hợp tác hoá nông nghiệp, hầu hết các hộ gia đình đều tham gia hợp tác xã và hoạt động kinh tế theo mô hình này. Vì vậy, từ những năm 1960, diện tích đất nông nghiệp đều thuộc sở hữu tập thể của hợp tác xã nông nghiệp mà thành viên hộ gia đình chỉ có thể tham gia lao động trên diện tích này với tư cách là xã viên.

Diện tích đất canh tác của gia đình bị thu hẹp chỉ còn 5% đất canh tác toàn xã với mục tiêu để bù đắp cho các hộ xã viên một khoản thu nhập bằng tiền bên cạnh phần thu nhập chủ yếu bằng lương thực từ lao động tập thể. Hoạt động kinh tế trên phần đất nhỏ bé này trực tiếp đem lại lợi ích cho người nông dân nên nó đã nhanh chóng thu hút được sự đầu tư sức lực, tiền bạc và tâm trí của các hộ gia đình vào đó. Kết quả là, trong suốt thời kỳ hợp tác hóa, sản xuất của kinh tế gia đình đã nhanh chóng đạt tới 50% tổng thu nhập của mỗi hộ gia đình xã viên (Nguyễn Đức Truyền, 2003).

Giai đoạn 1981-1986 với việc thực hiện khoán sản phẩm theo chi thị 100, hộ gia đình được giao đất để thực hiện hoạt động sản xuất nông nghiệp. Đất sản xuất được chia theo số thành viên của hộ gia đình với mỗi khẩu được chia khoảng 1,5 sào (540 m²). Đất đai thuộc quyền sở hữu của toàn dân còn chính quyền các hợp tác xã là người có quyền chi phối, giao

đất sử dụng cho các hộ gia đình. Bởi vậy, quy mô đất đai của các hộ gia đình tùy thuộc vào số thành viên của mình và về mặt này có tính chất bình quân. Các hộ gia đình có thể mở rộng quy mô đất đai bằng cách nhận đầu thầu vườn cây, ao cá, các vùng đất thấp trồng nuôi tôm cá, tuy nhiên cũng ở một phạm vi rất giới hạn (Trần Đức, 1991).

Lao động

Mỗi hộ gia đình bao gồm một cấu trúc tuổi tác, giới tính, lao động, nghề nghiệp riêng. Cấu trúc này cho phép hộ sử dụng nguồn lực rất linh hoạt theo nhiều chiều một cách có hiệu quả. Đây là nét riêng làm cho hộ gia đình và các đơn vị kinh tế khác có sự khác biệt nổi bật.

Đặc trưng cơ bản của lao động trong hoạt động kinh tế hộ gia đình ở khu vực nông thôn miền Bắc trong giai đoạn 1976-1986 là hầu hết lao động không được xem như dưới hình thái hàng hóa hay nói cách khác sức lao động đó không phải là hàng hóa. Lao động này chủ yếu tự phục vụ gia đình nhằm thỏa mãn các nhu cầu vật phẩm của gia đình. Mục đích sản xuất của hộ không phải chủ yếu để kiếm lợi nhuận.

Đóng góp kinh tế của các thành viên là điều kiện để duy trì đời sống vật chất gia đình, có thể bằng các hoạt động sản xuất được tổ chức ở phạm vi trong gia đình hoặc ngoài gia đình. Nghiên cứu cho thấy hoạt động kinh tế hộ gia đình ở nông thôn có các đặc điểm như sử dụng lao động trong gia đình là chủ yếu, động viên mọi người trong gia đình tham gia.

Nguồn nhân lực lao động trong hoạt động kinh tế hộ gia đình chủ yếu chỉ được đào tạo theo cơ chế truyền thống, tức là tự đào tạo và truyền nghề theo hình thức cha truyền con nối. Số lao động được đào tạo chủ yếu là các cán bộ quản lý hợp tác xã và ủy ban nhân dân. Sự yếu kém về đào tạo của nhân lực lao động gia đình tất yếu gây ra những khó khăn của cá nhân trong việc tiếp thu tiến bộ khoa học kỹ thuật và tiến hành hoạt động kinh tế hộ gia đình.

Lao động sống vẫn là chủ yếu trong hoạt động sản xuất nông nghiệp của hộ gia đình ở cả hai giai đoạn nhận khoán việc và nhận khoán sản phẩm từ hợp tác xã. Ngay khâu làm đất, có những hộ gia đình phải tự cuốc đất rồi làm cho đất tơi xốp bằng chính sức lao động của mình, đơn giản là hộ không có tiền để thuê trâu của hợp tác xã cày bừa.

"Họ có tiền họ mượn trâu, mượn trâu thì phải trả tiền. Không có tiền thuê trâu thì hai vợ chồng phải cuốc cả mẫu ruộng. Cuốc xong lại dùng cuốc văm nhỏ đất, rồi cào đất, cứ rùa đi rùa lại" [PVS, nữ giới, sinh năm 1960].

"Hồi đấy cái gì cũng làm bằng tay chân. Đi gặt về kéo đá mới ra hạt thóc, làm

gì có máy móc. Bây giờ lớp trẻ không tưởng tượng được cối xay, cối giã là ra sao"
[PVS, nữ giới, sinh năm 1962].

Theo số liệu khảo sát, quy mô hộ gia đình là 5,03 người, số thành viên trong độ tuổi lao động là 3,0 người, số thành viên phụ thuộc (trẻ em dưới 15 tuổi và người cao tuổi từ 65 tuổi trở lên) trung bình là 0,77. Chỉ có 19,4% hộ gia đình có tỷ lệ phụ thuộc là 0,5 (hai lao động nuôi một người phụ thuộc). Khoảng 50% hộ gia đình có tỷ lệ phụ thuộc là bằng hoặc lớn hơn 1 (một lao động nuôi một người phụ thuộc trở lên). Xét theo quy mô gia đình và tỷ lệ phụ thuộc, chúng ta có thể thấy những khó khăn của kinh tế hộ gia đình khi mỗi lao động phải nuôi 1 đến 2 nhân khẩu. Tuy nhiên, tỷ lệ này là hết sức tương đối. Bởi vì, trong hoạt động kinh tế hộ gia đình, chỉ trừ những trẻ em còn nhỏ tuổi và người cao tuổi không còn khả năng sinh hoạt bình thường, còn tất cả mọi thành viên gia đình đều tham gia một số công việc trong hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với khả năng và trách nhiệm của mỗi người. Thật vậy, một trẻ em đang ở trong độ tuổi học tiểu học đã có thể tham gia các công việc trong hoạt động kinh tế hộ gia đình như chăn trâu, cắt cỏ, cấy, gặt để giúp đỡ cha mẹ. Những người cao tuổi cũng có thể làm những việc tương tự hay hơn thế nữa, bởi vì họ không chỉ có kinh nghiệm sản xuất, uy tín và khả năng quản lý các hoạt động kinh tế trong gia đình mà đôi khi là thể hiện vai trò hay quyền lực của mình trong đời sống gia đình.

2.2. Tổ chức lao động

Hoạt động kinh tế của hộ gia đình ở khu vực nông thôn miền Bắc Việt Nam giai đoạn 1976-1986 chịu ảnh hưởng sâu sắc của các chính sách nông nghiệp, phát triển kinh tế nông hộ. Trong giai đoạn 1976-1980, một trong những đặc trưng của chính sách phát triển kinh tế đó là quá trình tiến hành hợp tác hoá nông nghiệp, hầu hết các hộ gia đình đều tham gia hợp tác xã và hoạt động kinh tế theo mô hình này. Thành viên hộ gia đình trong độ tuổi lao động tham gia hợp tác xã với tư cách là xã viên và trực tiếp hoạt động trong phạm vi đội sản xuất. Đội sản xuất là đơn vị sản xuất trực tiếp và thu hoạch sản phẩm của hợp tác xã. Nhìn chung đội sản xuất có trách nhiệm bố trí công việc đầy đủ cho các xã viên trong đội, đảm bảo không có ai trong đội là không có việc làm.

Trong giai đoạn 1981-1986, do việc thực hiện chính sách mới là khoán sản phẩm nên hộ gia đình nhận khoán sản phẩm từ hợp tác xã. Quá trình sản xuất nông nghiệp vẫn được chia thành tám công đoạn bao gồm cày, tưới tiêu, sản xuất giống, phân bón, phun thuốc trừ sâu, cấy, chăm sóc cây trồng và thu hoạch. Năm công đoạn đầu vẫn thuộc về tập thể còn ba công đoạn sau được cá thể hóa, hộ gia đình trở thành đơn vị sản xuất độc lập.

Như vậy không nhất thiết là tất cả các thành viên của gia đình đều tham gia vào các khâu này mà chỉ những người đã có đủ điều kiện tham gia sản xuất nông nghiệp. Khoản sản phẩm, tuy trên danh nghĩa là giao ruộng đất cho người lao động, có tính thêm lao động phụ quy đổi nhưng khi sản xuất thì họ thực hiện theo quy mô gia đình. Trong quy mô sản xuất gia đình, lao động phụ và thời gian nhàn rỗi được sử dụng cho sản xuất. Sản xuất gia đình trên những thửa ruộng nhận khoán về thực chất là sự nhận gia công của từng gia đình với tập thể theo phương hướng, kế hoạch sản xuất của tập thể (Hữu Thọ, 1989).

Các hộ gia đình nông dân ở đồng bằng Bắc Bộ luôn có thể khắc phục tình trạng thiếu công cụ sản xuất bằng cách trao đổi công cụ hay giúp đỡ lẫn nhau trong quan hệ họ hàng và thôn xóm (Nguyễn Đức Truyền, 2003). Do đáp ứng yêu cầu của thời vụ canh tác hoặc lịch lao động của hợp tác xã cho nên giữa các hộ gia đình có hoạt động đổi công cho nhau. Dựa trên quan hệ huyết thống hoặc quan hệ hàng xóm, láng giềng mà hoạt động đổi công này có thể được tiến hành. Hoạt động hỗ trợ, đổi công cho nhau giữa các gia đình được thỏa thuận với nhau dựa trên đơn vị cơ bản là “ngày công” mà không phân biệt việc làm cụ thể. Có thể người này giúp người kia cấy lúa còn người kia giúp lại người này gặt lúa. Hộ gia đình luôn cố gắng duy trì hệ thống tương trợ giúp đỡ lẫn nhau truyền thống trong họ hàng hoặc cộng đồng thôn xóm để dự phòng những tình huống mà hoạt động kinh tế hộ gia đình không thể tự túc trong sản xuất và sinh hoạt. Phân tích thông tin định tính cho thấy, trong những lúc thời vụ khẩn trương, nhu cầu lao động vượt khả năng của hộ gia đình, xuất hiện việc đổi công, làm giúp trong cộng đồng, giữa các hộ gia đình với nhau.

“Không cấy kịp thì phải đi đổi công cho nhau, bởi vì nhà mình ít người thì nhờ người đến cấy cho mình. Hoặc chống đi kéo bừa cho hàng xóm thì hôm sau họ cấy lại cho mình” [PVS, nữ giới, sinh năm 1962].

“Phải nhờ cha mẹ đôi bên, các em giúp đỡ lúc cấy, gặt” [PVS, nam giới, sinh năm 1960].

2.3. Cơ cấu hoạt động kinh tế

Hoạt động kinh tế hộ gia đình có xu hướng đa dạng hóa các hoạt động kinh tế, nhưng đồng thời vẫn giữ các hoạt động sản xuất nông nghiệp như là cơ sở cho mọi hoạt động kinh tế hộ gia đình. Xu hướng này đã biến cơ cấu hoạt động kinh tế hộ gia đình thành ba loại chủ yếu. Loại thứ nhất là những hộ chỉ tập trung vào các hoạt động sản xuất nông nghiệp hay được gọi là các hộ thuần nông. Các hộ này trên thực tế chỉ làm nông nghiệp và chăn nuôi. Đó là những hộ chỉ có sức lao động, ngoài ra họ không có bất

cứ nguồn lực nào khác như vốn, kinh nghiệm kỹ thuật hay quan hệ thị trường để đầu tư phát triển sản xuất. Loại hộ thứ hai được gọi là những hộ hoạt động kinh tế hỗn hợp, đây là những hộ kết hợp sản xuất nông nghiệp với chăn nuôi gia đình và các hoạt động phi nông nghiệp như buôn bán, thủ công và dịch vụ. Những hộ gia đình này vừa có vốn, lao động, kinh nghiệm kỹ thuật và quan hệ thị trường nhưng chưa thực sự có điều kiện để có thể chỉ sống bằng các nguồn thu nhập phi nông nghiệp. Loại hộ có hình thức hoạt động kinh tế thứ ba được gọi là hộ phi nông nghiệp. Đây là các hộ chỉ tập trung vào các hoạt động sản xuất phi nông nghiệp nhưng có thể trên danh nghĩa họ vẫn là hộ nông nghiệp. Những hộ này vẫn nhận ruộng canh tác nhưng có thể cho thuê, cho mượn. Đặc trưng chung của loại hộ này là có nguồn vốn, có trình độ tổ chức sản xuất, có quan hệ thị trường. So với hai loại hộ trước, năng lực kinh tế của hộ phi nông nghiệp thường cao hơn.

Kết quả khảo sát cho thấy, tỷ lệ hộ gia đình thuần nông nghiệp chiếm một nửa, 53,3%, hộ có hình thức hoạt động kinh tế hỗn hợp chiếm 44,2% và chỉ có 2,5% hộ hoạt động theo hình thức phi nông nghiệp. Qua đó cho thấy, nông nghiệp vẫn là cơ sở và chỗ dựa cho mọi hoạt động kinh tế của hộ gia đình. Bởi vì, đối với đa số cư dân nông thôn ở đồng bằng Bắc Bộ, mục tiêu chính của hoạt động kinh tế hộ gia đình vẫn là đảm bảo đủ khẩu phần lương thực tối thiểu cho mọi thành viên hộ gia đình, đáp ứng nhu cầu

Bảng 1. Mối liên hệ giữa cơ cấu kinh tế hộ và một số đặc trưng của hộ

	Thuần nông	Không thuần nông
Giai đoạn kết hôn		
1976-1980	56,0	44,0
1981-1985	49,7	50,3
Học vấn chống		
Tiểu học	66,7	33,3
THCS	55,3	44,7
THPT +	41,8	58,2
Mức sống		
Nghèo	58,5	41,5
Không nghèo	45,3	54,7
Tỷ lệ phụ thuộc		
< 0,5	52,6	47,4
0,5-0,99	52,3	47,7
1+	54,6	45,4

dầu tư trở lại cho sản xuất nông nghiệp bằng một lượng hạt giống cần thiết và những vật liệu sản xuất khác như phân bón và để duy trì và phát triển các hoạt động kinh tế phụ khác.

Mối liên hệ giữa cơ cấu hoạt động kinh tế hộ gia đình với một số đặc trưng của hộ được trình bày ở bảng 1. Vì tỷ lệ hộ gia đình phi nông nghiệp quá nhỏ nên được gộp với hộ hỗn hợp thành nhóm “không thuần nông”. Kết quả phân tích cho thấy có sự khác biệt không lớn giữa cơ cấu kinh tế hộ gia đình ở hai giai đoạn kết hôn của người đại diện hộ gia đình. Sau 5 năm kết hôn, tỷ lệ gia đình có hoạt động thuần nông giảm đi, tuy nhiên ở mức không lớn (6 điểm phần trăm). Tỷ lệ phụ thuộc của hộ gia đình cũng không có mối liên hệ rõ rệt với loại hộ. Tuy nhiên, học vấn của người chồng có mối liên hệ với loại hình hoạt động kinh tế hộ gia đình. Theo đó, học vấn người chồng cao hơn thì tỷ lệ hộ gia đình có tham gia thêm các hoạt động ngoài nông nghiệp cao hơn. Chỉ có 31,1% hộ gia đình có hoạt động kinh tế không thuần nông ở nhóm người chồng có học vấn tiểu học, trong khi tỷ lệ này tăng lên ở mức 42% trong nhóm người chồng có học vấn trung học cơ sở và đạt 56,1% ở nhóm người chồng có học vấn trung học phổ thông trở lên. Loại hình hoạt động kinh tế hộ gia đình có mối liên hệ với mức sống. Những hộ gia đình nghèo có tỷ lệ hoạt động kinh tế thuần nông là 58,5%, trong khi đó tỷ lệ này ở hộ không nghèo là 45,3%.

2.4. Đa dạng hóa nguồn thu nhập

Trong khi thu nhập thấp và thiếu là nguyên nhân chính làm cho hộ gia đình không thỏa mãn thì việc tạo ra thu nhập ngoài việc làm chính là một hoạt động mà người Việt Nam đã thể hiện là người rất hiểu biết và khéo léo, chứng minh khả năng thực thi của họ (Nolwen Henaff và Jean Yves Martin, 2001). Đa dạng hóa nguồn thu nhập là một chiến lược sinh kế phổ biến của mọi nhóm xã hội nhằm thích ứng với những điều kiện biến đổi của đời sống xã hội. Thông qua việc đa dạng hóa, hộ gia đình tìm kiếm thu nhập từ các công việc khác nhau để có thể đối phó với những tình huống như thu nhập từ cây lương thực thấp, sâu bệnh cây trồng, giảm giá sản phẩm, hoặc tình trạng không có việc làm hơn là chỉ trông chờ tất cả thu nhập từ một nguồn duy nhất. Trong thực tế, khả năng đa dạng hóa hoạt động kinh tế hộ gia đình còn phụ thuộc vào năng lực con người của các thành viên, những cơ hội nảy sinh và cả những chiến lược sinh kế của hộ gia đình (Trần Đức, 1991).

Theo kết quả khảo sát, nguồn thu nhập của hộ gia đình ở cả hai giai đoạn 1976-1980 và 1981-1986 khá đa dạng với 8 nguồn khác nhau. Nguồn thu nhập từ làm ruộng chiếm tỷ lệ cao nhất, 87,2%, tiếp theo là từ chăn nuôi, 62,9%. Trong số các nguồn thu nhập, tỷ lệ hộ gia đình có thu

nhập từ buôn bán, dịch vụ là thấp nhất, 6,4%. Qua đó cho thấy, cơ cấu kinh tế nông nghiệp truyền thống vẫn được duy trì ở đại bộ phận hộ gia đình, trong đó cây lúa và con lợn vẫn là hai đối tượng sản xuất chủ yếu.

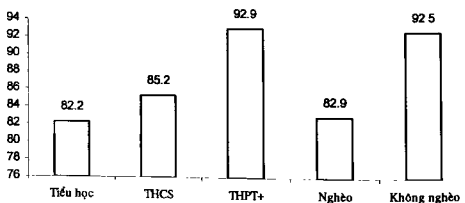
Tính chung, 86,7% hộ gia đình có hoạt động đa dạng hóa nguồn thu nhập trong 5 năm đầu của cuộc hôn nhân. Trong giai đoạn khó khăn của đất nước cộng với kinh tế của vùng đang ở trong tình trạng kém phát triển, hầu như không có công nghiệp, tỷ lệ hộ gia đình có hoạt động đa dạng hóa nguồn thu nhập như vậy thể hiện tính đa dạng cao. Hơn nữa, điều đó cũng cho thấy các hộ gia đình đã xây dựng các chiến lược sinh kế phù hợp với nguồn vốn nhân lực, vốn xã hội, vốn tài sản, vốn tài chính của họ và đối phó với những khó khăn trong sản xuất nông nghiệp.

Hoạt động đa dạng hóa nguồn thu nhập của hộ gia đình không có khác biệt ở các giai đoạn kết hôn. Tương tự, số lượng thành viên gia đình cũng không có mối liên hệ với hoạt động đa dạng hóa nguồn thu nhập của hộ gia đình.

Học vấn của người chồng càng cao thì tỷ lệ đa dạng hóa nguồn thu nhập của hộ gia đình càng cao (Biểu đồ 1). 82,2% hộ gia đình ở nhóm người chồng có học vấn tiểu học có hoạt động đa dạng hóa nguồn thu nhập, tỷ lệ này ở nhóm người chồng có học vấn trung học cơ sở là 85,2% và ở nhóm có học vấn trung học phổ thông trở lên là khoảng 93%. Qua đó cho thấy, người chồng có học vấn cao hơn thì có khả năng am hiểu hoặc năng động hơn trong việc tìm kiếm thêm các việc làm khác nhằm có thêm thu nhập cho hộ gia đình.

So với hộ gia đình có mức sống nghèo, tỷ lệ đa dạng hóa các nguồn thu

Biểu đồ 1. Tỷ lệ đa dạng hóa nguồn thu nhập của hộ gia đình theo một số đặc trưng



nhập của hộ gia đình không nghèo cao hơn gần 10 điểm phần trăm, 92,5% so với 82,9%. Mỗi quan hệ giữa mức sống với hoạt động đa dạng hóa thu nhập của hộ gia đình có thể là tương hỗ. Nghĩa là việc đa dạng hóa thu nhập làm cho hộ gia đình có mức sống cao hơn hoặc ngược lại gia đình có mức sống cao hơn có điều kiện đầu tư vốn, trang thiết bị kỹ thuật để có thêm nhiều nguồn thu nhập.

Ngoài phát triển việc trồng lúa và nuôi lợn, hai ngành nghề sản xuất truyền thống, thì hoạt động kinh tế của hộ gia đình còn có các nghề phụ bao gồm ngành nghề thủ công, thương nghiệp và dịch vụ. Làm thêm nghề khác (hay nghề phụ) là một chỉ báo về xu hướng đa dạng hóa nghề nghiệp và nguồn thu nhập của hộ gia đình. Nghề phụ thể hiện chiến lược sinh kế linh hoạt, tận dụng vốn lao động, cùng các nguồn vốn tài nguyên, tài chính, vị thế nhà ở (dùng cho buôn bán dịch vụ) trong gia đình để tăng thu nhập. Thêm vào đó, các hoạt động kinh tế phi nông nghiệp được coi là một phương tiện để tích góp các khoản thu nhập phụ bằng tiền mặt nhằm trang trải cho các chi phí quan trọng như đóng thuế cho Nhà nước, đóng góp cho địa phương hay chi trả các khoản dịch vụ sản xuất. Những chi phí cho việc duy trì các quan hệ gia đình, họ hàng và thôn xóm cũng quan trọng không kém và cần những khoản chi phí không nhỏ (Nguyễn Đức Truyền, 2003). Theo kết quả khảo sát, 40% hộ gia đình có hoạt động làm thêm nghề phụ trong khoảng thời gian 1976-1986. Trong số các nghề phụ, hộ gia đình làm thêm nghề phụ là đan lát chiếm tỷ lệ cao nhất, 13%, tiếp theo là đánh bắt thủy sản, 10,6%, những nghề còn lại có tỷ lệ từ 6% trở xuống.

3. Kết luận

Hoạt động kinh tế hộ gia đình ở khu vực nông thôn ở miền Bắc trong giai đoạn 1976-1986 được tiến hành trong khuôn khổ chính sách của Nhà nước từ khoán việc đến khoán sản phẩm trước khi đi đến khoán gọn. Trong thời kỳ này thể chế kinh tế hộ gia đình ở khu vực nông thôn vẫn tồn tại và đóng góp không nhỏ vào việc phát triển nông nghiệp. Rõ ràng kinh tế hộ gia đình có sức sống dẻo dai và khó bị xóa bỏ bằng mệnh lệnh. Có thể nói, kinh tế hộ gia đình ở nông thôn miền Bắc trong giai đoạn 1976-1986 là một bộ phận quan trọng của nền kinh tế, là một lực lượng to lớn trong việc quản lý và sử dụng các nguồn lực trong nông nghiệp nông thôn. Hộ gia đình thực hiện hoạt động kinh tế trong điều kiện mà nền kinh tế vẫn chủ yếu hoạt động nông nghiệp, vai trò tác động của công nghiệp còn rất yếu ớt. Các hộ gia đình vẫn còn duy trì trạng thái hoạt động kinh tế mang tính tự nhiên, truyền thống của làng xã.

Dù thuộc loại hình thức kinh tế nào, ở trình độ tổ chức và hoạt động sản

xuất kinh doanh như thế nào thì hộ gia đình vẫn là đơn vị hoạt động kinh tế tự chủ. Các hình thức kinh tế hợp tác không làm mất vai trò của kinh tế hộ gia đình, “hòa tan” hộ gia đình vào tập thể, biến cá thể thành tập thể. Ngược lại, hộ gia đình luôn là đơn vị kinh tế độc lập, phát triển một cách tự chủ và năng động. Các hình thức tổ chức kinh tế hợp tác trở thành điều kiện, môi trường để hỗ trợ cho sự phát triển đầy đủ hơn của các hộ gia đình ở những công việc mà hộ không làm được hoặc làm kém hiệu quả.■

Chú thích

⁽¹⁾ Bài viết là sản phẩm của Đề tài khoa học cấp cơ sở “Hoạt động kinh tế của hộ gia đình ở khu vực nông thôn miền Bắc giai đoạn 1976-1986” năm 2018 của Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới.

Tài liệu trích dẫn

- Hữu Thọ. 1989. *Hoàn thiện khoán sản phẩm thực hiện hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa trong hợp tác xã nông nghiệp*. Nxb. Sự thật, Hà Nội.
- Nguyễn Đức Truyền. 2003. *Kinh tế hộ gia đình và các quan hệ xã hội ở nông thôn đồng bằng sông Hồng trong thời kỳ Đổi mới*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- Nolwen Henaff và Jean Yves Martin. 2001. Chiến lược cá nhân và gia đình. Trong: Nolwen Henaff và Jean Yves Martin (Chủ biên). 2001. *Lao động, việc làm và nguồn nhân lực ở Việt Nam 15 năm Đổi mới*. Nxb. Thế giới, Hà Nội.
- Trần Đức. 1991. *Hợp tác xã và thời vàng son của kinh tế gia đình*. Nxb. Tư tưởng - Văn hóa, Hà Nội.
- Trần Quý Long. 2010. “Hoạt động kinh tế hộ gia đình ở một xã đồng bằng Bắc Bộ”. *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, số 4, tr. 25-38.
- Viện Kinh tế học. 1995. *Kinh tế hộ trong nông thôn Việt Nam*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.